

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành; UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính”;

Căn cứ Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 15/07/2021 của UBND tỉnh triển khai, thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số 39/TTr-VP ngày 01/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục 494 thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành; UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (*chi tiết tại danh mục kèm theo Quyết định này*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính và phương án, quy trình nội bộ trong thực hiện thí điểm tiếp nhận và trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan cập nhật tài khoản, quy trình điện tử và hướng dẫn công chức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đối với các thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả không

phụ thuộc vào địa giới hành chính theo đúng quy định. Chủ trì đơn đốc, theo dõi việc thực hiện.

2. Các sở, ngành, UBND các xã, phường, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh có trách nhiệm niêm yết công khai Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả không phụ thuộc địa giới hành chính tại nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương; đảm bảo về nhân lực, cơ sở vật chất, kinh phí vận chuyển hồ sơ và các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh; đăng ký tài khoản công chức Bộ phận Một cửa gửi Văn phòng UBND tỉnh để phân quyền trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh phục vụ tiếp nhận và trả kết quả các thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính.

Các sở, ngành có thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính phối hợp, hướng dẫn, hỗ trợ về chuyên môn đối với UBND xã, phường theo lĩnh vực ngành quản lý.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh; Công TTĐT tỉnh;
- Các phòng: TH, NC, KT, KGVX, TTTT, TTPVHCC;
- Lưu: VT, TTPVHCC (LgH).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Xuân Huyền

PHỤ LỤC

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 1748 /QĐ-UBND ngày 01 /8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

TT	Tên TTHC hoặc nhóm TTHC (mã số TTHC)	Lĩnh vực	Thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện qua bưu chính công ích
			Toàn trình	Một phần	
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (468 TTHC)				
I	Sở Khoa học và Công nghệ (158 TTHC)				
1	Thủ tục đăng ký Công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận (2.001209.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	x		x
2	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh (2.001207.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	x		x
3	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành (2.001277.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	x		x
4	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận (2.001208.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng		x	x
5	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định (2.001100.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng		x	x
6	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (2.001501.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	x		x
7	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa (3.000453.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
8	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa (3.000451.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
9	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa (3.000454.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
10	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng (3.000455.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
11	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng (3.000456.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
12	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng (3.000457.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
13	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa (3.000458.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
14	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa (3.000460.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
15	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa (3.000459.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
16	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý (3.000461.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
17	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý (3.000462.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
18	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý (3.000464.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x

19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân (2.002253.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
20	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn (3.000475.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
21	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn (3.000476.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
22	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập (3.000477.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
23	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập (3.000478.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
24	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận (3.000479.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
25	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận (3.000480.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
26	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận và thẻ cho chuyên gia trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc (3.000481.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
27	Thủ tục cấp bổ sung thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá cho tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận (3.000482.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
28	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước (3.000483.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
29	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
30	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
31	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực thực hiện hoạt động đào tạo.	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
32	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố bổ sung, điều chỉnh phạm vi đào tạo (3.000487.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
33	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	x		x
34	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng (2.000212.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	x		x
35	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng (1.000449.000.00.00.H37)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	x		x
36	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	x		x

37	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (3.000450)	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
38	Thủ tục chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký khi nhận được đề nghị không tiếp tục thực hiện toàn bộ lĩnh vực hoạt động đã được chứng nhận đăng ký của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
39	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
40	Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
41	Thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
42	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
43	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
44	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
45	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng			x
46	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực (1.011816)	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ	x		x
47	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ (2.001179)	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ	x		x
48	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (1.011812)	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ	x		x
49	Chấp thuận chuyển giao công nghệ	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			
50	Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			
51	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			
52	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			
53	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			
54	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			
55	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			
56	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			
57	Xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			
58	Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài.	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			
59	Cấp Giấy phép thành lập lần đầu cho Văn phòng đại diện, Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam.	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			

60	Đề nghị thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc ở nước ngoài	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			
61	Đề nghị thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			
62	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho tổ chức	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			
63	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho cá nhân	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			
64	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			
65	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho tổ chức	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			
66	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho cá nhân	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			
67	Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			
68	Cấp giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			
69	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước.	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			x
70	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước.	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			x
71	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước.	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			x
72	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			x
73	Thủ tục phê duyệt thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ ứng dụng/hỗ trợ duy trì ứng dụng kết quả nghiên cứu từ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			x
74	Thủ tục nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ ứng dụng/hỗ trợ duy trì ứng dụng kết quả nghiên cứu từ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			x
75	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ	x		x
76	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ	x		x
77	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ	x		x
78	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ	x		x
79	Đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ	x		x
80	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân.	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ	x		x
81	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước. 1.012075.000.00.00.H37	Lĩnh vực Trồng trọt	x		x

82	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước 1.012074.000.00.00.H37	Lĩnh vực Trồng trọt	x		x
83	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (1.011937.000.00.00.H37)	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ		x	x
84	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (1.011938.000.00.00.H37)	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ		x	x
85	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (1.011939.000.00.00.H37)	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ	x		x
86	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (1.013916.000.00.00.H37)	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ			x
87	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (1.013919.000.00.00.H37)	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ			x
88	Thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (1.013922.000.00.00.H37)	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ			x
89	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (1.013924.000.00.00.H37)	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ			x
90	Thủ tục ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp (1.013925.000.00.00.H37)	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ			x
91	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (1.013928.000.00.00.H37)	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ			x
92	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (1.013942.000.00.00.H37)	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ			x
93	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp (1.013954.000.00.00.H37)	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ			x
94	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (1.013955.000.00.00.H37)	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ			x
95	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp (1.013956.000.00.00.H37)	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ			x
96	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp (1.013958.000.00.00.H37)	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ			x
97	Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp (1.013959.000.00.00.H37)	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ			x
98	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp (1.013963.000.00.00.H37)	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ			x
99	Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ (1.013966.000.00.00.H37)	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ			x
100	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (1.013968.000.00.00.H37)	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ			x
101	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (1.013970.000.00.00.H37)	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ			x
102	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (1.013972.000.00.00.H37)	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ			x
103	Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế (1.013973.000.00.00.H37)	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ			x
104	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc (1.013974.000.00.00.H37)	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ			x

105	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. (1.013819)	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	x		x
106	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất). (1.013877)	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	x		x
107	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông (1.013885)	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	x		x
108	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông (1.013888)	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	x		x
109	Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông (1.013912)	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	x		x
110	Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá tr (1.013897)	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	x		x
111	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) (1.013899)	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	x		x
112	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (1.013900)	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	x		x
113	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP (1.013901)	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	x		x
114	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP (1.013902)	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	x		x
115	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP (1.013903)	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	x		x
116	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP (1.013904)	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	x		x
117	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (1.013905)	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	x		x

118	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) (1.013906)	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	x		x
119	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (1.013907)	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	x		x
120	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) (1.013976)	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	x		x
121	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông (1.013908)	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	x		x
122	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (1.013909)	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	x		x
123	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động (1.013913)	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	x		x
124	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động (1.013914)	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	x		x
125	Gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động (1.013915)	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	x		x
126	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động (1.013917)	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	x		x
127	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá (1.013910)	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	x		x
128	Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá (1.013911)	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	x		x
129	Cấp giấy phép sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	Lĩnh vực năng lượng nguyên tử	x		x
130	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn trong sử dụng thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	Lĩnh vực năng lượng nguyên tử	x		x
131	Khai báo thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	Lĩnh vực năng lượng nguyên tử	x		x
132	Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Lĩnh vực năng lượng nguyên tử	x		x
133	Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (2.002380.000.00.00.H37)	Lĩnh vực năng lượng nguyên tử	x		x
134	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Lĩnh vực năng lượng nguyên tử	x		x
135	Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Lĩnh vực năng lượng nguyên tử	x		x
136	Sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Lĩnh vực năng lượng nguyên tử	x		x
137	Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Lĩnh vực năng lượng nguyên tử	x		x

138	Cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	Lĩnh vực năng lượng nguyên tử	x		x
139	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá.	Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện	x		x
140	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá.	Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện	x		x
141	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá.	Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện	x		x
142	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá.	Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện	x		x
143	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư.	Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện	x		x
144	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện	x		x
145	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư.	Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện	x		x
146	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư.	Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện	x		x
147	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế).	Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện	x		x
148	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế).	Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện	x		x
149	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế).	Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện	x		x
150	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế).	Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện	x		x
151	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.	Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện	x		x
152	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.	Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện	x		x
153	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.	Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện	x		x
154	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.	Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện	x		x
155	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư.	Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện	x		x
156	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư.	Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện	x		x
157	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải.	Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện	x		x
158	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải.	Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện	x		x
II	Sở Nông nghiệp và Môi trường (89 TTHC)				
1	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất (1.012821)	Đất đai	x		x

2	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất (1013823)	Đất đai		x	x
3	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất (1013825)	Đất đai		x	x
4	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư (1013826)	Đất đai		x	x
5	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa (1013827)	Đất đai		x	x
6	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư	Đất đai		x	x
7	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích (1013946)	Đất đai		x	x
8	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý (1.012756)	Đất đai	X		Có
9	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng (1.012766)	Đất đai	X		Có
10	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (1.012793)	Đất đai	X		Có
11	Tách thửa hoặc hợp thửa đất (1.012784)	Đất đai		X	Có
12	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp (1.012790)	Đất đai	X		Có
13	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi (1.012791)	Đất đai	X		x
14	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp (1.013947)	Đất đai	X		x
15	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên (1.013833)	Đất đai	X		x
16	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp (1.012781)	Đất đai		X	x
17	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận (1.012782)	Đất đai		X	Có
18	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (1.012783)	Đất đai	X		Có
19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất (1.012786)	Đất đai	X		Có
20	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định (1.012785)	Đất đai	X		Có

21	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản (1.012787)	Đất đai	X		Có
22	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm (1.013831)	Đất đai	X		Có
23	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu (1.013977)	Đất đai	X		Có
24	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (1.013980)	Đất đai	X		Có
25	Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền (1.013992)	Đất đai	X		Có
26	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 (1.013993)	Đất đai		X	Có
27	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất (1.013994)	Đất đai	X		Có
28	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký (1.013995)	Đất đai	X		Có
29	Công nhận làng nghề (1.003695)	Kinh tế hợp tác và PTNT		x	x
30	Công nhận nghề truyền thống (1.003712)	Kinh tế hợp tác và PTNT		x	x
31	Công nhận làng nghề truyền thống	Kinh tế hợp tác và PTNT		x	x
32	Hỗ trợ dự án liên kết (1.003397)	Kinh tế hợp tác và PTNT		x	x
33	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. (1004427)	Thủy lợi		x	x
34	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (2.001796)	Thủy lợi		x	x

35	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (2.001426)	Thủy lợi		x	x
36	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. (2.001795)	Thủy lợi		x	x
37	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. (1.003870)	Thủy lợi		x	x
38	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. (1.003921)	Thủy lợi	x		x
39	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. (1.003893)	Thủy lợi	x		x
40	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. (2.001793)	Thủy lợi		x	x
41	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. (1.004385)	Thủy lợi		x	x
42	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. (2.001791)	Thủy lợi		x	x
43	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. (1.003880)	Thủy lợi		x	x
44	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. (2.001401)	Thủy lợi		x	x
45	Phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (1.003211)	Thủy lợi		x	x
46	Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (1.003203)	Thủy lợi		x	x
47	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (1.003188)	Thủy lợi		x	x
48	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (1.003232)	Thủy lợi		x	x
49	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (1.003221)	Thủy lợi		x	x
50	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh quản lý	Thủy lợi		x	x
51	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND cấp tỉnh quản lý	Thủy lợi		x	x

52	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (1.004122)	Tài nguyên nước		x	x
53	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (2.001738)	Tài nguyên nước		x	x
54	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (1.004253)	Tài nguyên nước	x		x
55	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất(1.012501)	Tài nguyên nước		x	x
56	Chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước (1.012498)	Tài nguyên nước		x	x
57	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền (1.012505)	Tài nguyên nước		x	x
58	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành (1.009669)	Tài nguyên nước		x	x
59	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành (2.001770)	Tài nguyên nước		x	x
60	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (1.004283)	Tài nguyên nước		x	x
61	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (1.012500)	Tài nguyên nước		x	x
62	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m³/ngày đêm (1.004232)	Tài nguyên nước		x	x
63	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m³/ngày đêm (1.004228)	Tài nguyên nước		x	x
64	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m³/ngày đêm (1.004223)	Tài nguyên nước		x	x
65	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m³/ngày đêm (1.004211)	Tài nguyên nước		x	x
66	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 và các trường hợp quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025) (1.004179)	Tài nguyên nước		x	x
67	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (1.004167)	Tài nguyên nước		x	x
68	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (1.011518)	Tài nguyên nước		x	x
69	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (1.000824)	Tài nguyên nước		x	x
70	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch (1.012502)	Tài nguyên nước	x		x
71	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất (1.012503)	Tài nguyên nước		x	x
72	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất (1.012504)	Tài nguyên nước		x	x
73	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt (1.011516)	Tài nguyên nước	x		x
74	Cấp giấy phép khai thác nước mặt (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024) (2.000021)	Tài nguyên nước		x	x

75	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt (2.000018)	Tài nguyên nước		x	x
76	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện (2.001850)	Tài nguyên nước		x	x
77	Lấy ý kiến đối với công trình khai thác nguồn nước	Tài nguyên nước		x	x
78	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (3.000327)	Quản lý công sản		x	x
79	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại (3.000326)	Quản lý công sản		x	x
80	Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng (<i>trường hợp nước sạch nông thôn</i>) (1.011769)	Quản lý công sản		x	x
81	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (3.000324)	Quản lý công sản		x	x
82	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (3.000328)	Quản lý công sản		x	x
83	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (1.000987)	Khí tượng thủy văn		x	x
84	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (1.000970)	Khí tượng thủy văn		x	x
85	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (1.000943)	Khí tượng thủy văn	x		x
86	Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh	Khí tượng thủy văn		x	x
87	Phê duyệt kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh	Khí tượng thủy văn		x	x
88	Cấp đổi giấy phép môi trường (1.010728)	Môi trường	x		x
89	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (1.010729)	Môi trường	x		x
III	Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn (43 TTHC)				
1	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) (1.013236.000.00.00.H37)	Hoạt động xây dựng	x		x
2	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) (1.013238.000.00.00.H37)	Hoạt động xây dựng	x		x
3	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) (1.013230.000.00.00.H37)	Hoạt động xây dựng	x		x
4	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) (1.013231.000.00.00.H37)	Hoạt động xây dựng		x	x

5	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) (1.013233.000.00.00.H37)	Hoạt động xây dựng		x	x
6	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) (1.013235.000.00.00.H37)	Hoạt động xây dựng		x	x
7	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (2.000063.000.00.00.H37)	Thương mại Quốc tế	x		x
8	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (2.000450.000.00.00.H37)	Thương mại Quốc tế	x		x
9	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (2.000347.000.00.00.H37)	Thương mại Quốc tế	x		x
10	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (2.000327.000.00.00.H37)	Thương mại Quốc tế	x		x
11	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (2.000314.000.00.00.H37)	Thương mại Quốc tế	x		x
12	Chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf (1.009742.000.00.00.H37)	Đầu tư tại Việt Nam	x		x
13	Chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại Khu Kinh tế quy định tại khoản 4 Điều 30 của Nghị định 31/2021/NĐ-CP (1.009755.000.00.00.H37)	Đầu tư tại Việt Nam	x		x
14	Chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP (1.009748.000.00.00.H37)	Đầu tư tại Việt Nam	x		x
15	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.009757.000.00.00.H37)	Đầu tư tại Việt Nam	x		x
16	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý (1.009759.000.00.00.H37)	Đầu tư tại Việt Nam	x		x
17	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (1.009762.000.00.00.H37)	Đầu tư tại Việt Nam	x		x
18	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (1.009763.000.00.00.H37)	Đầu tư tại Việt Nam	x		x
19	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (1.009764.000.00.00.H37)	Đầu tư tại Việt Nam			
20	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (1.009765.000.00.00.H37)	Đầu tư tại Việt Nam	x		x
21	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (1.009766.000.00.00.H37)	Đầu tư tại Việt Nam	x		x
22	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (1.009767.000.00.00.H37)	Đầu tư tại Việt Nam	x		x

23	Gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (1.009770.000.00.00.H37)	Đầu tư tại Việt Nam	x		x
24	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (1.009756.000.00.00.H37)	Đầu tư tại Việt Nam	x		x
25	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (1.009760.000.00.00.H37)	Đầu tư tại Việt Nam	x		x
26	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của toà án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư (1.009769.000.00.00.H37)	Đầu tư tại Việt Nam	x		x
27	Ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (1.009771.000.00.00.H37)	Đầu tư tại Việt Nam	x		x
28	Cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (1.009774.000.00.00.H37)	Đầu tư tại Việt Nam			
29	Đổi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (1.009773.000.00.00.H37)	Đầu tư tại Việt Nam	x		x
30	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (1.009776.000.00.00.H37)	Đầu tư tại Việt Nam	x		x
31	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của toà án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (1.009768.000.00.00.H37)	Đầu tư tại Việt Nam	x		x
32	Thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài (1.009775.000.00.00.H37)	Đầu tư tại Việt Nam	x		x
33	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (1.009777.000.00.00.H37)	Đầu tư tại Việt Nam		x	x
34	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt (2.002725.000.00.00.H37)	Đầu tư tại Việt Nam	x		x
35	Điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt (2.002726.000.00.00.H37)	Đầu tư tại Việt Nam	x		x
36	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt (2.002727.000.00.00.H37)	Đầu tư tại Việt Nam	x		x
37	Công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (2.002603.000.00.00.H37)	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư	x		x
38	Cấp/cấp lại Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái (2.002728.000.00.00.H37)	Khu công nghiệp, khu kinh tế	x		x
39	Chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái (2.002731.000.00.00.H37)	Khu công nghiệp, khu kinh tế	x		x
40	Cấp/cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái (2.002729.000.00.00.H37)	Khu công nghiệp, khu kinh tế	x		x
41	Chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái (2.002732.000.00.00.H37)	Khu công nghiệp, khu kinh tế	x		x

42	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp (2.001955.000.00.00.H37)	Lao động tiền lương	x		x
43	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày (1.005132.000.00.00.H37)	Quản lý lao động ngoài nước	x		x
IV	Sở Nội vụ (S6 TTHC)				
1	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội 1.012927.000.00.00.H37	Quản lý nhà nước về Hội	x		x
2	Thủ tục thành lập hội 1.012929.000.00.00.H37	Quản lý nhà nước về Hội	x		x
3	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội 1.012942.000.00.00.H37	Quản lý nhà nước về Hội	x		x
4	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội 1.012943.000.00.00.H37	Quản lý nhà nước về Hội	x		x
5	Thủ tục hội tự giải thể 1.012946.000.00.00.H37	Quản lý nhà nước về Hội	x		x
6	Thủ tục cho phép hội đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện 1.012947.000.00.00.H37	Quản lý nhà nước về Hội	x		x
7	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn 1.012948.000.00.00.H37	Quản lý nhà nước về Hội	x		x
8	Thủ tục chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội 1.012945.000.00.00.H37	Quản lý nhà nước về Hội	x		x
9	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ 1.003822.000.00.00.H37	Quản lý nhà nước về Quỹ	x		x
10	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ . 1.013018.000.00.00.H37	Quản lý nhà nước về Quỹ	x		x
11	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ. 1.013713.000.00.00.H37	Quản lý nhà nước về Quỹ	x		x
12	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ 1.003916.000.00.00.H37	Quản lý nhà nước về Quỹ	x		x
13	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động. 1.013715.000.00.00.H37	Quản lý nhà nước về Quỹ	x		x
14	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ 1.003920.000.00.00.H37	Quản lý nhà nước về Quỹ	x		x
15	Thủ tục quỹ tự giải thể. 1.013717.000.00.00.H37	Quản lý nhà nước về Quỹ	x		x
16	Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh 2.001717.000.00.00.H37	Quản lý nhà nước về Công tác thanh niên	x		x
17	Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh 2.001717.000.00.00.H37	Quản lý nhà nước về Công tác thanh niên	x		x
18	Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh 2.001683.000.00.00.H37	Quản lý nhà nước về Công tác thanh niên	x		x
19	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến 2.001396.000.00.00.H37	Người có công	x		x

20	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh) 1.013718.000.00.00.H37	Việc làm	x		x
21	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh) 1.013719.000.00.00.H37	Việc làm	x		x
22	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh) 1.013720.000.00.00.H37	Việc làm	x		x
23	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh) 1.013721.000.00.00.H37	Việc làm	x		x
24	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh) (1.013721.000.00.00.H37)	Việc làm	x		x
25	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài 1.013718.000.00.00.H37	Việc làm	x		x
26	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động (1.013719.000.00.00.H37)	Việc làm	x		x
27	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài 2.000219.000.00.00.H37	Việc làm	x		x
28	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (2.000205.000.00.00.H37)	Việc làm	x		x
29	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (2.000192.000.00.00.H37)	Việc làm	x		x
30	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (1.009811.000.00.00.H37)	Việc làm	x		x
31	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm 1.009873.000.00.00.H37	Việc làm	x		x
32	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm 1.009874.000.00.00.H37	Việc làm	x		x
33	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm 1.001865.000.00.00.H37	Việc làm	x		x
34	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm 1.001823.000.00.00.H37	Việc làm	x		x
35	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm 1.001853.000.00.00.H37	Việc làm	x		x
36	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp 2.001955.000.00.00.H37	Lao động tiền lương	x		x
37	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao độ 1.000414.000.00.00.H37	Lao động tiền lương	x		x

38	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể 1.009466.000.00.00.H37	Lao động tiền lương	x		x
39	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện UBND cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể 1.009467.000.00.00.H37	Lao động tiền lương	x		x
40	Cấp giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động (1.000479.000.00.00.H37)	Lao động tiền lương	x		x
41	Gia hạn giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động 1.000464.000.00.00.H37	Lao động tiền lương	x		x
42	Cấp lại giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động 1.000448.000.00.00.H37	Lao động tiền lương	x		x
43	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu. 1.013723.000.00.00.H37	An toàn vệ sinh lao động		x	x
44	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan Trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện a toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan Trung ương quyết định thành lập). 1.005450.000.00.00.H37	An toàn vệ sinh lao động	x		x
45	Khai báo với Sở Nội vụ địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động. 2.000134.000.00.00.H37	An toàn vệ sinh lao động	x		x
46	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung, ương, các tập đoàn tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập) 1.005449.000.00.00.H37	An toàn vệ sinh lao động	x		x
47	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập từ 90 ngày trở lên 1.013727.000.00.00.H37	Quản lý lao động ngoài nước	x		x
48	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài 1.013728.000.00.00.H37	Quản lý lao động ngoài nước	x		x
49	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài 1.013729.000.00.00.H37	Quản lý lao động ngoài nước	x		x
50	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng từ 90 ngày trở lên) 1.013730.000.00.00.H37	Quản lý lao động ngoài nước	x		x
51	Đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài 1.013731.000.00.00.H37	Quản lý lao động ngoài nước	x		x
52	Xác nhận danh sách người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài 1.013732.000.00.00.H37	Quản lý lao động ngoài nước	x		x
53	Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 1.013733.000.00.00.H37	Quản lý lao động ngoài nước	x		x
54	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc 1.012091.000.00.00.H37	Lao động tiền lương và Bảo hiểm xã hội	x		x

55	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ 1.013934.000.00.00.H37	Lưu trữ		x	x
56	Công nhận tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt 1.013937.000.00.00.H37	Lưu trữ		x	x
V	Sở Y tế (118 TTHC)				
1	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	An toàn thực phẩm	x		x
2	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	An toàn thực phẩm	x		x
3	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	An toàn thực phẩm	x		x
4	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	An toàn thực phẩm		x	x
5	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm	x		x
6	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm	x		x
7	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm			x
	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm		x	x
8	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý Nhà nước	An toàn thực phẩm		x	x
9	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	An toàn thực phẩm		x	x
10	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn	An toàn thực phẩm	x		x
11	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu	An toàn thực phẩm	x		x
12	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập và giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	Bảo trợ xã hội	x		x
13	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội	x		x
14	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	Bảo trợ xã hội	x		x
15	Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bảo trợ xã hội	x		x
16	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Bảo trợ xã hội	x		x
17	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	Bảo trợ xã hội	x		x
18	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định (1.014078)	Dược phẩm	x		x

19	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.014087)	Dược phẩm	x		x
20	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh (1.014090)	Dược phẩm	x		x
21	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược cho người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề dược theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ (1.014092)	Dược phẩm	x		x
22	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược (1.014099)	Dược phẩm	x		x
23	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất) (1.014100)	Dược phẩm	x		x
24	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (1.014101)	Dược phẩm	x		x
25	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động (1.014102)	Dược phẩm	x		x
26	Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) (1.014104)	Dược phẩm	x		x
27	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt (1.014105)	Dược phẩm	x		x
28	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kệ thuốc	Dược phẩm	x		x
29	Cung cấp thuốc phóng xạ	Dược phẩm	x		x
30	Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em		x	x
31	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm		x	x
32	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm	x		x
33	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	Mỹ phẩm	x	x	
34	Cấp sổ tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	Mỹ phẩm	x		x
35	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh		x	x
36	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Khám bệnh, chữa bệnh		x	x
37	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Khám bệnh, chữa bệnh		x	x
38	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Khám bệnh, chữa bệnh	x		x
39	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Khám bệnh, chữa bệnh	x		x

40	Thu hồi giấy phép hành nghề trong trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 Luật Khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	x		x
41	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	Khám bệnh, chữa bệnh	x		x
42	Cho phép tổ chức đoàn khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	Khám bệnh, chữa bệnh	x		x
43	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh.	Khám bệnh, chữa bệnh	x		x
44	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	Khám bệnh, chữa bệnh	x		x
45	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	Khám bệnh, chữa bệnh	x		x
46	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	Khám bệnh, chữa bệnh	x		x
47	Đăng ký hành nghề	Khám bệnh, chữa bệnh	x		x
48	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	Khám bệnh, chữa bệnh	x		x
49	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	x		x
50	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh		x	x
51	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Khám bệnh, chữa bệnh		x	x
52	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Khám bệnh, chữa bệnh		x	x
53	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Khám bệnh, chữa bệnh	x		x
54	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng	Khám bệnh, chữa bệnh		x	x
55	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	Khám bệnh, chữa bệnh		x	x
56	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Khám bệnh, chữa bệnh		x	x
57	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Khám bệnh, chữa bệnh		x	x
58	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Y Dược cổ truyền	x		x
59	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	Y Dược cổ truyền	x		x
60	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Y Dược cổ truyền	x		x
61	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	Y Dược cổ truyền		x	x
62	Cấp lại giấy chứng nhận lương y	Y Dược cổ truyền	x		x
63	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	Y Dược cổ truyền	x		x
64	Công bố đối với nguyên liệu sản xuất thiết bị y tế, chất ngoại kiểm chứa chất ma túy và tiền chất	Thiết bị y tế	x		

65	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thiết bị y tế loại A, B	Thiết bị y tế			
66	Tiếp tục cho lưu hành thiết bị y tế trong trường hợp chủ sở hữu thiết bị y tế không tiếp tục sản xuất hoặc phá sản, giải thể đối với thiết bị y tế loại A, B	Thiết bị y tế	x		x
67	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	Thiết bị y tế	x		
68	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B	Thiết bị y tế	x		
69	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	Thiết bị y tế	x		
70	Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền	Thi đua khen thưởng	x		x
71	Cấp Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	x		x
72	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	x		x
73	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	x		x
74	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	x		x
75	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	x		x
76	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	x		x
77	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	Phòng bệnh	x		x
78	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	Phòng bệnh	x		x
79	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III	Phòng bệnh		x	x
80	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn (1.013884)	Phòng bệnh		x	x
81	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất (1.013893)	Phòng bệnh		x	x
82	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm (1.013865)	Phòng bệnh		x	x
83	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính (1.013869)	Phòng bệnh		x	x
84	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính (1.013873)	Phòng bệnh	x		x
85	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính (1.013879)	Phòng bệnh	x		x
86	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động (1.013890)	Phòng bệnh		x	x
87	Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (1.013866)	Phòng bệnh		x	x

88	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (1.013874)	Phòng bệnh		x	x
89	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (1.013887)	Phòng bệnh		x	x
90	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (1.013891)	Phòng bệnh		x	x
91	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (1.013895)	Phòng bệnh		x	x
92	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (1.013867)	Phòng bệnh		x	x
93	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất (1.013868)	Phòng bệnh		x	x
94	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (1.013870)	Phòng bệnh	x		x
95	Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (1.013872)	Phòng bệnh	x		x
96	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế để nghiên cứu (1.013875)	Phòng bệnh	x		x
97	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ (1.013880)	Phòng bệnh	x		x
98	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng (1.013881)	Phòng bệnh	x		x
99	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu (1.013883)	Phòng bệnh	x		x
100	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu (1.013886)	Phòng bệnh	x		x
101	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu (1.013889)	Phòng bệnh	x		x
102	Đình chỉ lưu hành, thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (1.013892)	Phòng bệnh	x		x
103	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba) đối với thuốc lá (1.013896)	Phòng bệnh	x		x
104	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuốc lá (bên thứ nhất) (1.013898)	Phòng bệnh	x		x
105	Cấp lại Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với thuốc lá (1.013894)	Phòng bệnh	x		x
106	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	Phòng bệnh		x	x

107	Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	Phòng bệnh	x		x
108	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế. 1.002564	Phòng bệnh	x		x
109	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng. 1.001189	Phòng bệnh	x		x
110	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT. 1.001178	Phòng bệnh	x		x
111	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo. mã số: 1.001114	Phòng bệnh	x		x
112	Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế. 1.004070	Phòng bệnh	x		x
113	Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế. mã số: 1.004062	Phòng bệnh	x		x
114	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế. 1.002944	Phòng bệnh	x		x
115	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm. 1.002467	Phòng bệnh	x		x
116	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	Phòng bệnh			
117	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	Phòng bệnh			
118	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng	Phòng bệnh			
VI	Sở Ngoại vụ (04 TTHC)				
1	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ (2.002311)	Hội nghị hội thảo quốc tế		x	x
2	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ (2.002312)	Hội nghị hội thảo quốc tế		x	x
3	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ (2.002313)	Hội nghị hội thảo quốc tế		x	x
4	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ (2.002314)	Hội nghị hội thảo quốc tế		x	x
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (26 TTHC)				
1	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 (1.012817)	Đất đai		x	x
2	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót (1.012796)	Đất đai		x	x
3	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi (1.012791)	Đất đai		x	x
4	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất. (1.012753)	Đất đai		x	x

5	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất (1013949)	Đất đai		x	x
6	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất (1013950)	Đất đai		x	x
7	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư (1013952)	Đất đai		x	x
8	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa (1013953)	Đất đai		x	x
9	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở (1013962)	Đất đai		x	x
10	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài (1013978)	Đất đai		x	x
11	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích (1013965)	Đất đai		x	x
12	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã (1.013967)	Đất đai		x	x
13	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (1.010736)	Môi trường	x		x
14	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội		x	x
15	Thực hiện, điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội		x	x
16	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội		x	x
17	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Bảo trợ xã hội		x	x
18	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội		x	x
19	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội		x	x
20	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	Bảo trợ xã hội		x	x
21	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo Trợ xã hội		x	x
22	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo Trợ xã hội		x	x

23	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	Dân số, bà mẹ - trẻ em		x	x
24	Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Dân số, bà mẹ - trẻ em		x	x
25	Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị nhầm lẫn khi ghi chép Giấy chứng sinh	Dân số, bà mẹ - trẻ em		x	x
26	Cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ đẻ.	Dân số, bà mẹ - trẻ em		x	x
	Tổng số (A + B): 494 TTHC				